

CỤC HẬU CẦN QUÂN KHU 7
BỆNH VIỆN QUÂN Y 7A

Số: 144/BCB-BVQY7A

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2023

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo - Bộ Y tế.

Tên cơ sở công bố: **Bệnh viện Quân y 7A.**

Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số: 1101/GPHĐ-BQP do Bộ Quốc phòng, cấp ngày 19 tháng 02 năm 2016.

Địa chỉ: Số 466 Nguyễn Trãi, Phường 8, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Đại tá PGS.TS.BS. Lê Quang Trí;
Giám đốc Bệnh viện.

Điện thoại liên hệ: 028.3836.6789

Email: nckh.bvqy7a@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành, trình độ đào tạo thực hành; số lượng người đào tạo thực hành tối đa (*Phụ lục 1 đính kèm*).
2. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu; danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng (*Phụ lục 2 đính kèm*).
3. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành (*Phụ lục 3 đính kèm*).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CQY/TCHC (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTH. T06.



GIÁM ĐỐC

**Đại tá
Lê Quang Trí**

CÁC NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH, TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH
SỐ LƯỢNG NGƯỜI ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TỐI ĐA



STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng DT tối đa theo NGD	Số giờ học tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng DT tối đa theo giờ học	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	6720301	Cao đẳng	Y đa khoa/Y khoa	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh Nội khoa	Khoa Cấp cứu Hồi sức cấp cứu Nội Tim-Thận-Khớp Nội Tiêu hóa-Bệnh máu Nội Thần kinh-Tâm thần Truyền nhiễm - Da liễu Khoa Nội thận	05 08 06 05 04 06 03	37	370	250	750	0	360

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng DT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng DT tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
2	SU3054	Đại học Cao đẳng	Y đa khoa/Y khoa	Ngoại khoa	Thực hành khám chữa bệnh Ngoại khoa	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	09	29	290	200	600	0	230
					Ngoại Tổng quát		09						
3	EYE3013	Đại học	Y đa khoa/Y khoa	CK Mắt	Thực hành khám chữa bệnh CK Mắt	Khoa Mắt	04						
4	OTO3013	Đại học	Y đa khoa/Y khoa	Chuyên khoa Tai mũi họng	Khám chữa bệnh CK TMMH	Khoa Tai mũi họng	03						
5	ODO3013	Đại học	Y đa khoa/Y khoa	Chuyên khoa Răng hàm mắt	Thực hành khám chữa	Khoa Răng hàm mắt	04						



STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng DT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng DT tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
6	52720330	Đại học	Y đa khoa/Y khoa	Thực hành các xét nghiệm Huyết học, sinh hóa, vi sinh	Thực hành lấy máu, các kỹ thuật xét nghiệm m y học	Khoa Xét nghiệm-GPBL	05	05	50			0	40
7	DI2013	Đại học	CDHA	Siêu âm bụng tổng quát		Khoa CDHA	05	05	50			0	40
8	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ & bà mẹ trong thời kỳ thai nghén		Khoa Phụ sản Nhi	06	06	60	90		0	40

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng DT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng DT tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
9	6720201	Cao đẳng	Dược học	Thực hành chuyên ngành về quản lý và cung ứng thuốc		Dược		6	60			0	60

Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

(Đại học, Cao đẳng, Trung cấp/ Y đa khoa/ Nội khoa)



1. Đại học/ Y đa khoa/ Nội khoa

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chức năng nghề	Ngành/ Chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	Trần Hồng Tâm	BSCKII	Chuyên khoa Nội	1110034/CCHN-BQP	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội chung	29	Nội khoa	Bệnh lý tim mạch; Nhồi máu cơ tim; Suy tim; Bệnh hẹp van 2 lá; Cơn tăng huyết áp (tăng huyết áp cấp cứu); Viêm phổi; Hen phế quản; Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính.	Nội Tim-thận-khớp.	60
2	Phan Minh Tùng	BSCKII	Chuyên khoa Nội	111045/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội chung, siêu âm tổng quát	29	Nội khoa			
3	Đặng Bảo Toàn	BSCKII	Chuyên khoa Nội	1110005/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội chung	18	Nội khoa			
4	Nguyễn Đăng Cường	BSCKII	Chuyên khoa Nội	1110007/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội chung	34	Nội khoa	Thoái hóa		

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ Chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tin chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
5	Nguyễn Quang Cảnh	BSCKII	Chuyên khoa Nội	110009/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội chung	12	Nội khoa	khớp; Gout		
6	Nguyễn Bá Sinh	BSCKI	Chuyên khoa Nội	110025/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội chung	14	Nội khoa			
7	Nguyễn Văn Diên	BSCKII	Chuyên khoa Nội	110011/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội chung	30	Nội khoa	Tăng huyết áp; Đái tháo đường.		
8	Đặng Quang Nghĩa	BSCKII	Chuyên khoa Nội	110046/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội chung	30	Nội khoa	Viêm tụy cấp; Xơ gan; Viêm dạ dày; Loét dạ dày tá tràng; Xuất huyết tiêu hóa.	Nội Tiêu hóa-Bệnh máu	40
9	Nguyễn Thanh Tùng	BSCKII	Chuyên khoa Nội	120006/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội chung	30	Nội khoa			
10	Trần Ngọc Trường	BSCKI	Chuyên khoa Nội	110013/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội chung	28	Nội khoa			
11	Huỳnh Thị Đức Hòa	BSCKI	Chuyên	110062/CCHN-BQP	Khám chữa	12	Nội khoa			

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ Chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tin chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường đặt yêu cầu thực hành
			khoa Nội		bệnh Nội khoa					
12	Quách Thị Minh Tâm	BSCKI	BS đa khoa, Tâm thần kinh	110286/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội chung, Nội thần kinh	20	Nội khoa	Nhồi máu não; Xuất huyết não; Viêm dây thần kinh tọa; Thoát vị đĩa đệm.	Nội Thần kinh-Tâm thần	40
13	Lê Tấn Lợi	ThS.BS	BS đa khoa, Tâm thần kinh	110014/CCHN-BQP	Nội khoa, chuyên khoa Nội thần kinh	30	Nội khoa			
14	Kiều Mạnh Hà	BSCKII	BS đa khoa, Tâm thần kinh	110017/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội thần kinh	12	Nội khoa			
15	Mai Lê Hoài Vĩnh	BSCKI	BS đa khoa	110004/CCHN-BQP	Khám chữa bệnh đa khoa	06	Nội khoa			
16	Nguyễn Thị Ngọc Mai	BSCKI	BS đa khoa, Truyền	110018/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội truyền nhiễm Da	30	Nội khoa			

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ Chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường đặt yêu cầu thực hành
			nhiệm		liệu					
17	Nguyễn Thị Thu Hà	BSCKII	BS đa khoa, Truyền nhiễm	110019/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội truyền nhiễm Da liễu	30	Nội khoa			
18	Phạm Đình Duy	ThS.BS	BS đa khoa, Truyền nhiễm	110001/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội truyền nhiễm Da liễu	08	Nội khoa	Viêm gan B; Sốt xuất huyết; Sốt siêu vi.	Truyền nhiễm-Da liễu	60
19	Tăng Thị Mộng Thu	BSCKII	BS đa khoa	110072/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội chung	22	Nội khoa			
20	Phạm Việt Phương	BSCKI	BS đa khoa, Truyền nhiễm	110065/CCHN-BQP	Khám chữa bệnh Nội khoa	12	Nội khoa			
21	Trần Hoa Thám	BSCKII	BS đa khoa	110020/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội	28	Nội khoa			

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ Chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tin chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
					chung					
22	Vũ Minh Hùng	BSCCKII	BS đa khoa, Hồi sức cấp cứu	110053/CCHN-BQP	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	23	Nội khoa	Suy hô hấp; Rối loạn thăng bằng kiểm toan; Rối loạn thăng bằng nước, điện giải.	Khoa HSCC	20
23	Hồ Thế Công	BSCCKI	BS đa khoa, Hồi sức cấp cứu	110783/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội tim mạch	09	Hồi sức cấp cứu			
24	Đinh Văn Thắng	Bác sĩ	BS đa khoa, Hồi sức cấp cứu	111079/CCHN-BQP	BS đa khoa	08	Hồi sức cấp cứu			
25	Nguyễn Thị Ân	BSCCKII	BS đa khoa, PT- GMHS	110050/CCHN-BQP	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	30	GMHS			

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ Chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tin chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường đặt yêu cầu thực hành
26	Nguyễn Văn Dương	BSCKI	BS đa khoa, PT- GMHS	110289/CCHN-BQP	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	12	GMHS	Gây mê hồi sức	Khoa Phẫu thuật-Gây mê hồi sức	10
27	Nguyễn Thị Thùy	BSCKI	BS đa khoa, PT- GMHS	110073/CCHN-BQP	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	12	GMHS			
28	Nguyễn Văn Tâm	BSCKI	BS đa khoa, PT- GMHS	110051/CCHN-BQP	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	12	GMHS			
29	Phan Đăng Thanh	BSCKI	BS đa khoa, PT- GMHS	110051/CCHN-BQP	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	06	GMHS			

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ Chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường đặt yêu cầu thực hành
30	Lê Viết Hoàng	BSCKII	BS đa khoa	110287/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội chung	29	Nội khoa	Nội độc cấp; Shock	Khoa Cấp cứu	10
31	Lê Việt Anh	BSCKII	BS đa khoa	110047/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội chung	30	Nội khoa			
32	Lê Vinh Quang	BSCKI	BS đa khoa	110015/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội chung	12	Nội khoa			
33	Nguyễn Thị Tố Mai	BSCKI	BS đa khoa	110032/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội chung, nội soi tiêu hóa	30	Nội khoa	Bệnh lý tim mạch; tăng huyết áp; Đái tháo đường. Suy thận cấp; Suy thận mạn.	Khoa Cẩn bộ Khoa Nội thận.	50
34	Trần Thị Thanh Vân	BSCKI	BS đa khoa	110035/CCHN-BQP	Khám chữa bệnh Nội khoa	10	Nội khoa			
35	Lưu Vương Long	BSCKII	BS đa khoa	110012/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội	30	Nội khoa			

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ Chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tin chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường đặt yêu cầu thực hành
36	Nguyễn Thanh Bình	Bác sĩ	BS đa khoa	110789/CCHN-BQP	Khám chữa bệnh đa khoa	09	Nội khoa			
37	Trần Nam Hải	BSCCKII	BS đa khoa	110006/CCHN-BQP	Chuyên khoa Nội chung	20	Nội khoa			
38	Nguyễn Viết Trung	Bác sĩ	BS Y học cổ truyền	110021/CCHN-BQP	Khám chữa bệnh Y học cổ truyền	30	Y học cổ truyền			
39	Nguyễn Văn Noãn	Bác sĩ	BS Y học cổ truyền	110591/CCHN-BQP	Khám chữa bệnh Y học cổ truyền	12	Y học cổ truyền			
40	Nguyễn Huy Long	Bác sĩ	BS Y học cổ truyền	110591/CCHN-BQP	Khám chữa bệnh Y học cổ truyền	19	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền	20
41	Võ Thị Nhung	Bác sĩ	BS Y học cổ truyền	043181/HCM-CCHN	Khám chữa bệnh Y học cổ truyền	08	Y học cổ truyền			

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ Chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tin chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
42	Nguyễn Ngọc Thành	BSCKII	Chuyên khoa, VLTL- PHCN	110048/CCHN-BQP	Khám chữa bệnh Nội khoa; VLTL- PHCN	30	Chuyên khoa VLTL- PHCN	VLTL- PHCN	Khoa VLTL- PHCN	16
43	Nguyễn Đức Lễ	BSCKI	Chuyên khoa, VLTL- PHCN	110074/CCHN-BQP	Khám chữa bệnh Nội khoa	12	Chuyên khoa VLTL- PHCN			

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chương chỉ hành nghề	Ngành/ Chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tin chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
5	Nguyễn Minh Hoàng	ThS.BS	Chẩn thương chỉnh hình	110027/CCHN-BQP	Chuyên khoa Chẩn thương chỉnh hình	13	Ngoại khoa			
6	Nguyễn Ngọc Hiếu	BSCKII	Chẩn thương chỉnh hình	110782/CCHN-BQP	Chuyên khoa Chẩn thương chỉnh hình	12	Ngoại khoa			
7	Vũ Đức Thụy	BSCKI	Chẩn thương chỉnh hình	110745/CCHN-BQP	Chuyên khoa Chẩn thương chỉnh hình	12	Ngoại khoa			
8	Nguyễn Văn Thuận	BSCKI	Chẩn thương chỉnh hình	110064/CCHN-BQP	Chuyên khoa Chẩn thương chỉnh hình	12	Ngoại khoa			

2. Dại học/ Y đa khoa/ Ngoại khoa

Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

(Đại học, Cao đẳng, Trung cấp/ Y đa khoa/ Ngoại khoa)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ Chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ phân/ Tin chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	Lê Quang Trí	TS.BS	Chấn thương chỉnh hình	110001/CCHN-BQP	Chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình	29	Ngoại khoa			
2	Nguyễn Hồng An	BSCKII	Chấn thương chỉnh hình	110023/CCHN-BQP	Chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình	24	Ngoại khoa	Gãy xương; Chấn thương; Đứt dây chằng chéo gối.	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	60
3	Bùi Thanh Hoàng	BSCKII	Ngoại thần kinh	110975/CCHN-BQP	Chuyên khoa Ngoại thần kinh	17	Ngoại khoa			
4	Đỗ Ngọc Thành	BSCKII	Chấn thương chỉnh hình	110026/CCHN-BQP	Chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình	16	Ngoại khoa			

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ Chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giờ/đạt yêu cầu thực hành
9	Nguyễn Anh Qunag	BSCKI	Chẩn thương chỉnh hình	0030522/HCM-CCHN	Chuyên khoa Chẩn thương chỉnh hình	11	Ngoại khoa	Chẩn thương, vết thương	Ngoại chung	50
10	Trần Minh Hưng	BSCKII	Ngoại chung	110029/CCHN-BQP	CK Ngoại chung, Nội soi tiêu hoá	29	Ngoại khoa	Chẩn thương, vết thương		
11	Huỳnh Văn Nhân	BSCKII	Ngoại chung	110028/CCHN-BQP	Chuyên khoa Ngoại chung.	29	Ngoại khoa	Chẩn thương, vết thương		
12	Nguyễn Duy Ngọc	BSCKII	Ngoại chung	110590/CCHN-BQP	Chuyên khoa Ngoại chung.	19	Ngoại khoa	ruột; Tắc ruột; Viêm phúc mạc; Xuất huyết tiêu hóa; Thoát vị bẹn; Sỏi đường		
13	Nguyễn Trương Thiện	ThS.BS	Ngoại chung	110315/CCHN-BQP	Chuyên khoa Ngoại chung	12	Ngoại khoa	ruột; Viêm phúc mạc; Xuất huyết tiêu hóa; Thoát vị bẹn; Sỏi đường		
14	Nguyễn Dũng	BSCKII	Ngoại chung	110031/CCHN-BQP	Chuyên khoa Ngoại	18	Ngoại khoa			

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ Chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tin chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giờ/đạt yêu cầu thực hành
					chung.			mật; Sỏi túi mật.		
15	Phạm Tuấn Vũ	BSCKII	Ngoại chung	110063/CCHN-BQP	Chuyên khoa Ngoại chung.	12	Ngoại khoa			
16	Trình Đình Hiệp	ThS.BS	Ngoại chung	110016/CCHN-BQP	Chuyên khoa Ngoại chung	06	Ngoại khoa			
17	Nguyễn Hoàng Văn	BSCKI	Ngoại chung	111081/CCHN-BQP	Chuyên khoa Ngoại chung	06	Ngoại khoa			
18	Nguyễn Xuân Tâm	BSCKI	Ngoại chung	111141/CCHN-BQP	Chuyên khoa Ngoại chung	06	Ngoại khoa			

3. Dại học/ Chuyên khoa

Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

(Đại học, Cao đẳng, Trung cấp/ Chuyên khoa)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ Chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm	Môn học/ học phần/ Tin chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	Trần Văn Ty	BSCKII	CK Mắt	110041/CCHN-BQP	Chuyên khoa Mắt	24	CK Mắt	Các bệnh lý về Mắt	Mắt	15
2	Lê Thị Thanh Hải	BSCKII	CK Mắt	110040/CCHN-BQP	Chuyên khoa Mắt	29	CK Mắt			
3	Trịnh Văn Thoại	BSCKI	CK Mắt	110067/CCHN-BQP	Chuyên khoa Mắt	12	CK Mắt			
4	Chu Sỹ Nghĩa	BSCKI	CK Mắt	110784/CCHN-BQP	Chuyên khoa Mắt	10	CK Mắt	Các bệnh lý về Tai mũi họng	Tai mũi họng	20
5	Nguyễn Vĩnh Tăng	BSCKII	CK TMH	110043/CCHN-BQP	Chuyên khoa Tai mũi họng	12	CK TMH			
6	Nguyễn Minh Tâm	BSCKI	CK TMH	110044/CCHN-BQP	Chuyên khoa TMH	14	CK TMH			

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ Chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm	Môn học/ học phần/ Tin chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường đặt yêu cầu thực hành
7	Đào Thị Thu Hà	BSCKI	CK TMH	110045/CCHN-BQP	Chuyên khoa Tai mũi họng	18	CK TMH			
8	Lê Hữu Toàn	BSCKII	CK RHM	111078/CCHN-BQP	Chuyên khoa Răng hàm mặt	10	Chuyên khoa RHM	Các bệnh lý về Răng hàm mặt	Răng hàm mặt	10
9	Lê Văn Chính	BSCKI	CK RHM	110070/CCHN-BQP	Chuyên khoa Răng hàm mặt	12	Chuyên khoa RHM			
10	Nguyễn Trung Dũng	BSCKII	CK RHM	110069/CCHN-BQP	Chuyên khoa Răng hàm mặt	18	Chuyên khoa RHM			
11	Đặng Hồng Giang	BS	CK RHM	110140/CCHN-BQP	Chuyên khoa Răng hàm mặt	06	Chuyên khoa RHM			
12	Trần Hữu Tuấn	BSCKI	CK Phụ sản	110785/CCHN-BQP	Chuyên khoa Phụ sản Nhi	09	CK Phụ sản Nhi		Phụ sản Nhi	

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ Chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường đặt yêu cầu thực hành
13	Lê Thị Thanh Hương	BSCKII	CK Nhi	002320/HCM-CCHN	Chuyên khoa Phụ sản Nhi	24	CK Phụ sản Nhi	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ & chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ thai nghén		90
14	Trương Hoàng Thục Vũ	ThS.BS	CK Phụ sản	010441/HCM-CCHN	Chuyên khoa Phụ sản	19	CK Phụ sản			
15	Nguyễn Thiên Bảo Hương	ThS.BS	CK Nhi	010441/HCM-CCHN	Chuyên khoa Phụ sản Nhi	19	CK Phụ sản Nhi			
16	Phan Thị Xuân Hiền	Bác sĩ	CK Nhi	009359/HCM-CCHN	Chuyên khoa Phụ sản Nhi	14	CK Phụ sản Nhi			
17	Nguyễn Linh Diệu	BSCKI	CK Phụ sản	111158/CCHN-BQP	Chuyên khoa Phụ sản	06	CK Phụ sản			

4. Dại học/ Kỹ thuật xét nghiệm y học

Danh sách giảng viên/khoa/giờờng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

(Đại học, Cao đẳng, Trung cấp/ Kỹ thuật xét nghiệm y học)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/Chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Mạnh Kiên	TS.BS	Xét nghiệm	110057/CCHN-BQP	Chuyên khoa Xét nghiệm, Giải phẫu bệnh lý	22	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Các kỹ thuật XN huyết học; sinh hóa; vi sinh.	Xét nghiệm- Giải phẫu bệnh lý.
2	Nguyễn Phú Sương	Cử nhân	Cử nhân Xét nghiệm	110804/CCHN-BQP	Kỹ thuật viên xét nghiệm	20	Kỹ thuật xét nghiệm y học		
3	Nguyễn Ngọc Lệ	BSCKI	Bác sĩ đa khoa, vi sinh	110846/CCHN-BQP	Chuyên khoa Xét nghiệm, Giải phẫu bệnh lý	12	Kỹ thuật xét nghiệm y học		
4	Lưu Tiến Dũng	BSCKI	Xét nghiệm	110786/CCHN-BQP	Chuyên khoa Xét nghiệm	09	Kỹ thuật xét nghiệm y học		
5	Võ Minh Dũng	Bác sĩ	Xét nghiệm	110790/CCHN-BQP	Chuyên khoa Xét nghiệm, Giải phẫu bệnh lý	09	Kỹ thuật xét nghiệm y học		

5. Đại học/ Chẩn đoán hình ảnh

Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (đưa vào chương trình thực hành)

(Đại học, Cao đẳng, Trung cấp/ Chẩn đoán hình ảnh)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/Chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Minh Thuận	BSCKII	BS Chẩn đoán hình ảnh	110037/CCHN-BQP	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	29	Chẩn đoán hình ảnh	Siêu âm bụng tổng quát	Chẩn đoán hình ảnh
2	Võ Thanh Long	BSCKII	BS Chẩn đoán hình ảnh	110038/CCHN-BQP	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	24	Chẩn đoán hình ảnh		
3	Chu Xuân Dũng	Bác sĩ	BS Chẩn đoán hình ảnh	110592/CCHN-BQP	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	12	Chẩn đoán hình ảnh		
4	Nguyễn Văn Hùng	BSCKII	BS Chẩn đoán hình ảnh	110036/CCHN-BQP	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	30	Chẩn đoán hình ảnh		
5	Trần Ngọc Phương	BSCKI	BS Chẩn đoán hình ảnh	111000/CCHN-BQP	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	05	Chẩn đoán hình ảnh		

6. Dại học/ Dược học

Danh sách giảng viên/khoa/giờờng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

(Đại học, Cao đẳng, Trung cấp/ Dược học)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ Chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thành Nam	ThS.DS	Dược	2616/CCHN-D-SYT-HCM	Buôn bán, bán lẻ, dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc.	06	Thực hành chuyên môn về quản lý và cung ứng thuốc.	Dược
2	Phan Huy Hoàng	DSCKI	Dược	4621/HCM-CCHND	Buôn bán, bán lẻ, dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc.	08		
3	Nguyễn Quang Thắng	DSCKI	Dược	7232/HCM-CCHND	Cơ sở bán lẻ	07		
4	Nguyễn Thị Hoa Hồng	DSCKI	Dược	0663/CCHN-D-SYT-HCM	Cơ sở bán lẻ: Nhà thuốc.	04		
5	Nguyễn Gia Cát	DSCKI	Dược	5907/HCM-CCHND	Cơ sở bán lẻ: Nhà thuốc.	06		
6	Võ Phạm Duy Phương	DS	Dược	9177/HCM-CCHND	Cơ sở bán lẻ: Nhà thuốc.	06		

Phụ lục II
DANH SÁCH CÁC BAN, KHOA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU
GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

STT	Đơn vị	Ghi chú
01	Ban Kế hoạch Tổng hợp	
02	Ban Chính trị	
03	Ban Hành chính	
04	Ban Điều dưỡng	
05	Ban Tài chính	
06	Ban Hậu cần	
07	Khoa Cán bộ	
08	Khoa Nội Tim - Thận - Khớp (A1)	
09	Khoa Nội tiêu hóa - Bệnh máu (A2)	
10	Khoa Nội Thần kinh - Tâm thần (A3)	
11	Khoa Truyền nhiễm - Da liễu (A4)	
12	Khoa Y học cổ truyền (A5)	
13	Khoa Nội thận (A14)	
14	Khoa Khám bệnh	
15	Khoa Cấp cứu ban đầu	
16	Khoa Hồi sức - Cấp cứu	
17	Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức	
18	Khoa Ngoại Chấn thương - Chỉnh hình (B1)	
19	Khoa Ngoại Tổng quát (B2)	
20	Khoa Mắt	
21	Khoa Tai - Mũi - Họng	
22	Khoa Răng - Hàm - Mặt	
23	Khoa Phụ sản nhi/Khu Kỹ thuật cao	
24	Khoa Xét nghiệm	
25	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
26	Khoa Vật lý trị liệu-Phục hồi chức năng	
27	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	
28	Khoa Dược	
29	Khoa Trang bị	

Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)
(Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, đa khoa/ Nội khoa)



STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
1	Phòng học	03
2	Máy tính (laptop)	03
3	Máy chiếu	03
4	Màn chiếu	03
5	Bảng viết lớn	03
6	Giường bệnh	250
7	Phòng giao ban tại khoa phòng	14
8	Bộ đo huyết áp	50
9	Ổng nghe	50
10	Máy thở	10
11	Bơm tiêm điện TERUMO Corp TE - 311	10
12	Monitor theo dõi bệnh nhân MP60	22
13	Máy điện tim 6 cần 1250K	07
14	Máy đo điện cơ vi tính MEB-9400K Nhật	01
15	Máy điện não vi tính EEG - 1200K	01
16	Đèn đọc phim	10
17	Bơm tiêm điện	10

Phụ lục IIIc

Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

(Đại học /Kỹ thuật xét nghiệm y học)

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
1	Phòng học	03
2	Máy tính (laptop)	03
3	Máy chiếu	03
4	Màn chiếu	03
5	Âm thanh (bộ)	03
6	Kính hiển vi	05
7	Máy xét nghiệm Huyết học (Máy SYSMEXXS 800)	01
8	Máy xét nghiệm Sinh hóa (Máy OLYMPUS AU 640)	01
9	Máy xét nghiệm Miễn dịch (Máy COBAS e411)	01
10	Xét nghiệm Ion đồ (Máy ELECTRONIC SFR ISE 5000	01
11	Xét nghiệm đông máu (Máy SYSMES CA-600 Series	01
12	Xét nghiệm nước tiểu (Máy MISSION U500)	01

Phụ lục IIIb

Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

(Đại học, Cao đẳng, Trung cấp/ Y đa khoa/ Ngoại khoa)

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
1	Phòng học	03
2	Máy tính (laptop)	03
3	Máy chiếu	03
4	Màn chiếu	03
5	Âm thanh	03
6	Giường bệnh	200
7	Bộ đo huyết áp	50
8	Ống nghe	50
9	Bàn mổ	16
10	Máy Nội soi khớp	06
11	Máy Nội soi tiêu hóa	02
13	Đèn đọc phim	10
14	Phòng tiểu phẫu	01
15	Phòng bó bột	01
16	Máy cưa bột	02

Phụ lục III
Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)
(Đại học /Chân đoán hình ảnh)

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
1	Phòng học	03
2	Máy tính (laptop)	03
3	Máy chiếu	03
4	Màn chiếu	03
5	Âm thanh (bộ)	03
6	Máy Cộng hưởng từ (1.5 Tesla)	01
7	Máy CT Scanner (128 lát cắt)	01
8	Máy Chụp X-quang KTS CMP 200 - Del Works	02
9	Máy Siêu âm Doppler màu 4D	02
10	Máy Siêu âm mắt (DB 3000; US 4000)	02
11	Máy Siêu âm màu tổng quát Prosound Alpha 6	01
12	Máy Siêu âm xách tay Doppler màu Compact	01

Phụ lục III
Danh sách trang thiết bị khoa đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)
(Đại học, Cao đẳng /Dược)

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
1	Phòng học	03
2	Máy tính (laptop)	03
3	Máy chiếu	03
4	Màn chiếu	03
5	Âm thanh (bộ)	03
6	Kho thuốc nội trú	01
7	Kho thuốc ngoại trú	01
8	Nhà thuốc Bệnh viện	01
9	Máy tính + phần mềm cấp phát thuốc	05